Chi tiết mã HS 2939.44.00

Mã HS	2939.44.00
Mô tả hàng hóa	Alkaloit, tự nhiên hoặc tái tạo bằng phương pháp tổng hợp, và các muối, ete, este và các dẫn xuất khác của chúng / - Alkaloit của ephedra và dẫn xuất của chúng; muối của chúng: / - - Norephedrine và muối của nó
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	09/11/2026 08:12:19
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29394400/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4455
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4455
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4455
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4413
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4374
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4374
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4374
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4374
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4374
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4374
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4412
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4412
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4412

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4412
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4412
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4412
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4416
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4416
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4416
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4416
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4416
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4416
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4416
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4380
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4376
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4376
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4376
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4376
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4376
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4376
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4376
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4376
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4376
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4376
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4376
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4376
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4423
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4423
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4423

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4423
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4423
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4423
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D4420
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E4420
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F4420
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G4420
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H4420
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I4420
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4428
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4428
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4428
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4428
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4428
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4428
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4399
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4399
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4399
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4399
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4399
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4399
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4401
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4401
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4401
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4401
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4401

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4401
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4399
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4399
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4399
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4399
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4399
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4399
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4399
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4420
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4420
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4420
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4420
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4420
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4420
RCEP B	2022	2022	0	B!D4420
RCEP B	2023	2023	0	B!E4420
RCEP B	2024	2024	0	B!F4420
RCEP B	2025	2025	0	B!G4420
RCEP B	2026	2026	0	B!H4420
RCEP B	2027	2027	0	B!I4420
RCEP C	2022	2022	0	C!D4420
RCEP C	2023	2023	0	C!E4420
RCEP C	2024	2024	0	C!F4420
RCEP C	2025	2025	0	C!G4420
RCEP C	2026	2026	0	C!H4420
RCEP C	2027	2027	0	C!I4420

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D4420
RCEP D	2023	2023	0	D!E4420
RCEP D	2024	2024	0	D!F4420
RCEP D	2025	2025	0	D!G4420
RCEP D	2026	2026	0	D!H4420
RCEP D	2027	2027	0	D!I4420
RCEP E	2022	2022	0	E!D4423
RCEP E	2023	2023	0	E!E4423
RCEP E	2024	2024	0	E!F4423
RCEP E	2025	2025	0	E!G4423
RCEP E	2026	2026	0	E!H4423
RCEP E	2027	2027	0	E!I4423
RCEP F	2022	2022	0	F!D4420
RCEP F	2023	2023	0	F!E4420
RCEP F	2024	2024	0	F!F4420
RCEP F	2025	2025	0	F!G4420
RCEP F	2026	2026	0	F!H4420
RCEP F	2027	2027	0	F!I4420
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4068
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4068
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4068
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4068

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2939.44.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2939.44.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4455), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.